

Số: 06 /2020/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 24 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06/4/2020 và thay thế Quyết định số 2200/2011/QĐ-UBND ngày 08/7/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Pháp chế và CCHC, Tư pháp - Bộ Công an;
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tin học;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, NC2 (Tr-80b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Quang

QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 06 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3
năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về tổ chức và hoạt động của các tổ chức tự quản về an ninh, trật tự (viết tắt là ANTT) tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, gồm: Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản về ANTT, Dòng họ tự quản về ANTT; chế độ, chính sách và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội đối với các tổ chức tự quản về ANTT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các tổ chức tự quản về ANTT quy định tại Điều 1 Quy định này, thành viên của các tổ chức tự quản về ANTT, các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.
2. Các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội và cá nhân có liên quan công tác xây dựng, củng cố, duy trì hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT quy định tại Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động.

1. Các tổ chức tự quản về ANTT hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ về kinh phí, hoạt động theo cơ chế: Cấp ủy Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, các tổ chức, đoàn thể phối hợp thực hiện, lực lượng Công an làm nòng cốt, nhân dân thực hiện.
2. Hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT phải tuân theo pháp luật. Nghiêm cấm lợi dụng danh nghĩa hoạt động tự quản về ANTT để tổ chức hội nhóm mang tính bè phái, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, vi phạm pháp luật.
3. Mọi quan hệ giữa các tổ chức tự quản về ANTT là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo đảm ANTT ở cơ sở.

Chương II TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TỰ QUẢN VỀ ANTT

Mục 1 TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ANTT

Điều 4. Tổ chức của Ban ANTT.

1. Ban ANTT là mô hình tự quản về ANTT và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được lập ra ở thôn, tổ dân phố, khu phố, khu dân cư (sau

đây gọi chung là khu dân cư). Mỗi khu dân cư thành lập 1 Ban ANTT do Trưởng thôn hoặc Trưởng phố, Trưởng khu dân cư (sau đây gọi chung là Trưởng khu dân cư) làm Trưởng ban; Công an viên (hoặc Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố ở địa bàn phường) làm Phó ban. Trường hợp Trưởng khu dân cư kiêm Công an viên (hoặc kiêm Tổ trưởng tổ Bảo vệ dân phố) thì Thôn đội trưởng làm Phó ban; các uỷ viên gồm trưởng các đoàn thể ở khu dân cư, Tổ trưởng Tổ liên gia tự quản về ANTT, đại diện Dòng họ tự quản về ANTT (nơi có Hội đồng gia tộc).

2. Ban ANTT do Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) Quyết định công nhận theo đề nghị của Trưởng khu dân cư, trên cơ sở Trưởng khu dân cư đã thống nhất với Trưởng Công an cấp xã về thành viên Ban ANTT.

3. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban ANTT theo nhiệm kỳ của Trưởng khu dân cư.

4. Trong trường hợp chức danh Công an viên, Bảo vệ dân phố hoặc các chức danh khác tham gia Ban ANTT được thay đổi tên gọi bởi văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng tên gọi theo quy định của văn bản quy phạm luật mới đó.

Điều 5. Nhiệm vụ của Ban ANTT.

1. Triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương về công tác bảo đảm ANTT đến toàn thể Nhân dân trong khu dân cư và tổ chức thực hiện; tham mưu Ban chỉ uỷ chỉ bộ về công tác bảo vệ ANTT; làm nòng cốt trong công tác vận động Nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (viết tắt là ANTQ) ở khu dân cư. Phối hợp với các tổ hoà giải, các tuyên truyền viên và các tổ chức khác để phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, ý thức cộng đồng, xây dựng tình đoàn kết của người dân ở khu dân cư.

2. Tổ chức nắm tình hình liên quan đến ANTT để phản ánh với Công an cấp xã, đồng thời phối hợp với các lực lượng khác trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT theo sự chỉ đạo của UBND và Công an cấp xã.

3. Khi có vụ việc liên quan đến ANTT xảy ra trên địa bàn phải kịp thời báo cáo Công an cấp xã, khẩn trương có mặt tại hiện trường để ngăn chặn, hạn chế hậu quả, thiệt hại có thể xảy ra, cấp cứu người bị nạn (nếu có); bảo vệ hiện trường, nắm tình hình có liên quan để cung cấp cho lực lượng chức năng xác minh, giải quyết.

4. Hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở Nhân dân trong khu dân cư chấp hành các quy định pháp luật về cư trú, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường...

5. Tham gia xây dựng Hương ước, Quy ước về ANTT của khu dân cư (sau đây gọi chung là Hương ước, Quy ước) tham gia xây dựng và tổ chức luyện tập phương án vây bắt tội phạm, phương án phòng cháy, chữa cháy ở khu dân cư theo chỉ đạo của UBND cấp xã. Kịp thời phát hiện và chủ động phối hợp với tổ hoà giải, các đoàn thể, chính quyền cơ sở giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân.

6. Vận động Nhân dân phát hiện, tố giác tội phạm và tệ nạn xã hội; quản lý, giáo dục, giúp đỡ những người vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ vi phạm pháp luật tại khu dân cư do Chủ tịch UBND cấp xã giao.

7. Tổ chức tuần tra, canh gác, phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hành vi gây mất ANTT; bắt giữ người phạm tội quả tang. Phối hợp với lực lượng Công an truy bắt người đang bị truy nã, truy tìm, trốn thi hành án, gây án bỏ trốn... khi họ có mặt tại địa phương.

8. Nắm bắt, phản ánh và đề nghị với chính quyền cơ sở giải quyết những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; tham gia bình xét, đánh giá phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, đề nghị công nhận khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT. Đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng tập thể, cá nhân trên địa bàn khu dân cư có thành tích xuất sắc trong đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.

Điều 6. Hoạt động của Ban ANTT.

1. Ban ANTT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thông qua mối quan hệ trực tiếp với các Tổ liên gia tự quản; dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ chi bộ khu dân cư, hướng dẫn chuyên môn của Công an cấp xã. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan đơn vị trên địa bàn trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT.

2. Ban ANTT mỗi tháng họp một lần vào tuần đầu của tháng để kiểm điểm, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT, thảo luận thống nhất biện pháp bảo vệ ANTT, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, xây dựng mối đoàn kết trong khu dân cư, xây dựng đời sống văn hoá, thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ. Kiến nghị cấp trên giải quyết những nguyện vọng chính đáng của Nhân dân trong khu.

3. Trưởng Ban ANTT chịu trách nhiệm quản lý về tổ chức và điều hành mọi hoạt động của Ban; triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban để thông báo tình hình, kết quả các mặt công tác bảo vệ ANTT. Thông báo các trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm hương ước, quy ước của khu dân cư; triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch của cấp trên về công tác bảo đảm ANTT đến Nhân dân trong khu dân cư.

4. Phó ban giúp việc Trưởng ban tổng hợp tình hình báo cáo Trưởng Công an cấp xã; thay Trưởng ban trong chỉ đạo, điều hành hoạt động của ban khi được Trưởng ban uỷ quyền.

5. Các uỷ viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban; vận động đoàn viên, hội viên, các hộ gia đình trong Tổ liên gia tự quản do mình phụ trách hoặc nơi đang cư trú chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương về công tác bảo đảm ANTT, Hương ước, Quy ước của khu dân cư, tham gia quản lý giáo dục, cảm hoá, giúp đỡ những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư...

Mục 2

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ LIÊN GIA TỰ QUẢN VỀ ANTT

Điều 7. Tổ chức của Tổ liên gia tự quản về ANTT.

1. Tổ liên gia tự quản về ANTT (gọi tắt là Tổ liên gia tự quản) là mô hình tự quản gồm nhiều hộ dân sống gần nhau theo chòm xóm, cụm dân cư, ngõ xóm, tuyến phố... hoặc sống chung trong một khu nhà (chung cư, nhà tập thể) để giúp đỡ, động

viên mọi người trong tổ cùng tham gia bảo vệ ANTT, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, cháy, nổ, làm giảm các tai nạn có thể xảy ra ở địa bàn dân cư, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, thực hiện nếp sống văn hóa ở khu dân cư.

Mỗi tổ liên gia tự quản có ít nhất 15 hộ dân (đối với vùng đồng bằng và khu đô thị); từ 10 hộ dân trở lên (đối với vùng đồi, núi). Ở những địa bàn dân cư sống không tập trung (vùng sâu, vùng xa) hoặc tùy theo điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý để thành lập tổ liên gia tự quản nhưng không dưới 5 hộ dân. Các Tổ liên gia tự quản trong một khu được gọi theo số thứ tự, từ tổ số 1 đến số của tổ cuối cùng, danh sách các hộ gia đình trong tổ được ghi theo tên chủ hộ.

2. Khi có chỉ đạo của UBND cấp xã và Ban Chi ủy chi bộ, Trưởng khu dân cư dự kiến chia Tổ liên gia tự quản trong khu và danh sách các hộ gia đình trong từng tổ, thống nhất với Ban Chi ủy chi bộ và Trưởng Công an cấp xã, sau đó báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét ra quyết định công nhận.

3. Thành viên Tổ liên gia tự quản là những người thành niên, có đủ năng lực hành vi của các hộ gia đình trong Tổ. Mỗi Tổ liên gia tự quản bầu 1 Tổ trưởng và 1 Tổ phó để điều hành công việc của tổ. Tổ trưởng, Tổ phó là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình, trách nhiệm, sức khỏe, đang sản xuất, kinh doanh, cư trú tại khu dân cư và được Nhân dân tín nhiệm. Khuyến khích cán bộ cấp xã, cán bộ các đoàn thể cư trú trên địa bàn kiêm nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó Tổ liên gia tự quản.

4. Việc bầu Tổ trưởng, Tổ phó do Chi ủy chi bộ khu dân cư và Trưởng khu giới thiệu, các hộ gia đình trong Tổ bầu. Trưởng khu dân cư báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận.

Điều 8. Nhiệm vụ của Tổ liên gia tự quản.

1. Tuyên truyền, vận động các thành viên trong tổ chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Tham gia xây dựng và thực hiện nghiêm túc Hương ước, Quy ước của khu dân cư; giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn hóa ở khu dân cư...

2. Tham gia tuần tra, canh gác giữ gìn ANTT trong các dịp lễ, tết và các sự kiện chính trị tổ chức tại địa phương. Chủ động phát hiện tố giác các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; quan tâm bảo vệ tài sản cho hộ gia đình sống liền kề.

3. Tham gia quản lý, giáo dục, cảm hoá, giúp đỡ người làm lỗi tái hoà nhập cộng đồng theo sự phân công của Trưởng khu dân cư. Phối hợp với các hộ gia đình trong việc quản lý, giáo dục con em, người thân trong gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội.

4. Tích cực tham gia luyện tập phương án vây bắt tội phạm, phương án phòng cháy, chữa cháy trong thực hiện thể trận an ninh Nhân dân do khu dân cư tổ chức và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công trong phương án khi có tình huống xảy ra.

5. Giữ gìn mối đoàn kết giữa các hộ gia đình, kịp thời phát hiện và hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, không để nảy sinh phức tạp ảnh hưởng đến ANTT.

Điều 9. Hoạt động của Tổ liên gia tự quản.

1. Tổ liên gia tự quản đặt dưới sự lãnh đạo của chi bộ khu dân cư, sự quản lý điều hành của Trưởng khu dân cư, sự hướng dẫn về chuyên môn của Công an cấp xã.

2. Tổ liên gia tự quản tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần vào tuần đầu của tháng đầu trong quý, thành phần họp là đại diện các hộ gia đình trong tổ. Trường hợp đột xuất theo sự chỉ đạo của Ban ANTT, Tổ trưởng Tổ liên gia tự quản tổ chức họp để thực hiện các công việc cấp bách. Các buổi họp tổ có thể mời Trưởng Ban ANTT, các đoàn thể của khu, Công an viên, Cảnh sát khu vực tham dự. Cuối năm họp tổng kết các hoạt động của Tổ.

Nội dung họp Tổ gồm: Thông báo tình hình liên quan đến ANTT trên địa bàn; kiểm điểm, đánh giá việc chấp hành chính sách, pháp luật, phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và giải quyết các vụ việc xảy ra trong Tổ; phản ánh, kiến nghị cấp trên các vấn đề còn vướng mắc. Nội dung họp tổ có thể kết hợp quán triệt triển khai các nội dung khác do khu dân cư chỉ đạo. Sau các cuộc họp, Tổ trưởng báo cáo kết quả với Trưởng Ban ANTT.

3. Tổ trưởng, Tổ phó có trách nhiệm nắm vững tình hình trong tổ, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc các thành viên trong tổ thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Huy động và tổ chức các thành viên trong tổ tham gia tuần tra, bảo vệ, chữa cháy, vây bắt tội phạm, cấp cứu người bị nạn, ngăn chặn hành vi gây mất trật tự công cộng...

4. Tổ trưởng chịu trách nhiệm tổ chức và chủ trì các buổi họp tổ theo định kỳ hoặc đột xuất để kiểm điểm, đánh giá kết quả giáo dục người vi phạm quy định ANTT. Phản ánh kịp thời những kiến nghị chính đáng của Nhân dân lên cấp trên. Đề xuất biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phòng chống tội phạm, nhắc nhở hoặc đề nghị phê bình các tập thể, cá nhân vi phạm. Khi có những hiện tượng nghi vấn hoặc các vụ việc về ANTT xảy ra trong Tổ thì Tổ trưởng phải báo cáo ngay với Trưởng Ban ANTT, Công an viên, Cảnh sát khu vực hoặc có thể báo cáo với UBND cấp xã và Công an cấp trên để chỉ đạo giải quyết.

5. Tổ phó có trách nhiệm giúp việc Tổ trưởng, thay Tổ trưởng chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Tổ khi được Tổ trưởng ủy quyền.

Mục 3

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỒNG HỘ TỰ QUẢN VỀ ANTT

Điều 10. Tổ chức của Đồng hộ tự quản về ANTT.

1. Đồng hộ tự quản về ANTT (gọi tắt là Đồng hộ tự quản) là mô hình tự quản về ANTT của các hộ gia đình có chung huyết thống sống ở địa bàn dân cư, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng gia tộc để động viên các thành viên trong đồng hộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT.

2. Những đồng hộ có truyền thống, có điều kiện thì thành lập Hội đồng gia tộc tự quản về ANTT. Việc thành lập Hội đồng gia tộc tự quản về ANTT do các hộ gia đình trong họ bầu, gồm những người có uy tín như: Trưởng họ, trưởng chi hoặc người có địa vị xã hội, người có ảnh hưởng rộng rãi đối với đồng hộ. Thành phần,

số lượng thành viên, phân công nhiệm vụ cho các thành viên do dòng họ quyết định. Người đứng đầu Hội đồng gia tộc báo cáo UBND cấp xã nơi Hội đồng gia tộc chọn làm điểm sinh hoạt tập chung của dòng họ (nơi đặt nhà thờ tổ, thờ họ...) để được công nhận.

Điều 11. Nhiệm vụ chung của Hội đồng gia tộc trong công tác bảo đảm ANTT.

1. Xây dựng Tộc ước của dòng họ. Nội dung Tộc ước không được trái quy định của pháp luật và các quy định của địa phương, trình Chủ tịch UBND cấp xã nơi quyết định công nhận Hội đồng gia tộc phê duyệt. Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các thành viên trong dòng họ chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương và Tộc ước của dòng họ, thực hiện tốt nếp sống văn hóa ở khu dân cư.

2. Giải quyết kịp thời những mâu thuẫn trong dòng họ.

3. Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người trong dòng họ có hành vi vi phạm pháp luật, mắc tệ nạn xã hội.

4. Chủ động phát hiện, ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội của thành viên trong dòng họ. Phối hợp với các ban, ngành, chính quyền, đoàn thể cơ sở làm tốt công tác quản lý, giáo dục thành viên trong dòng họ và các công việc liên quan đến công tác bảo vệ ANTT ở cơ sở.

5. Tổ chức giáo dục truyền thống tốt đẹp của dòng họ cho các thành viên trong dòng họ. Giúp đỡ, động viên các gia đình trong dòng họ quan tâm giáo dục con cháu, xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hòa thuận, hạnh phúc, giữ gìn đoàn kết trong dòng họ và khu dân cư. Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở các thành viên trong dòng họ tích cực học tập, lao động, tu dưỡng đạo đức, văn hóa ứng xử, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, tích cực tham gia giữ gìn trật tự công cộng, phòng chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và các hoạt động chung ở khu dân cư.

Điều 12. Mối quan hệ giữa Hội đồng gia tộc với Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản và UBND cấp xã.

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng gia tộc với Ban ANTT và Tổ liên gia tự quản là mối quan hệ phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở cơ sở. Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản có trách nhiệm phối hợp giúp đỡ Hội đồng gia tộc tổ chức hoạt động bảo vệ ANTT của dòng họ theo đúng quy định của pháp luật. Thông báo cho Hội đồng gia tộc các thành viên trong dòng họ có hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội để dòng họ quản lý, giáo dục. Đề xuất cấp trên khen thưởng khi dòng họ có thành tích và nhắc nhở, phê bình khi có vi phạm.

2. Hội đồng gia tộc có trách nhiệm tuân thủ sự quản lý của UBND cấp xã; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT của dòng họ với UBND cấp xã; phối hợp với UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở địa phương.

Chương III

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHÍNH QUYỀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TỰ QUẢN VỀ ANTT

Điều 13. Chế độ, chính sách đối với các tổ chức tự quản về ANTT.

Thành viên các tổ chức tự quản về ANTT khi tham gia công tác bảo vệ ANTT được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản theo quy định pháp luật. Do tham gia công tác bảo vệ ANTT mà bị tổn hại danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì được xem xét để hưởng chế độ chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 14. Trách nhiệm của chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội đối với các tổ chức tự quản về ANTT.

1. Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Trưởng Công an cùng cấp rà soát, củng cố, kiện toàn Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản để báo cáo UBND cấp xã; hướng dẫn các dòng họ tổ chức hoạt động tự quản về ANTT. Tổ chức sơ kết công tác chỉ đạo hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT tại địa phương.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở phối hợp với lực lượng Công an cùng cấp tích cực tham gia xây dựng tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong công tác giữ gìn ANTT, gắn với phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hoá.

Điều 15. Phân loại các tổ chức tự quản.

1. Giao Công an tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Tiêu chí phân loại, đánh giá chất lượng hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT.

2. Hằng năm, UBND cấp xã căn cứ tiêu chí để tổ chức đánh giá, phân loại chất lượng hoạt động của các Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản và Dòng họ tự quản trên địa bàn.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện.

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan cấp tỉnh và UBND các huyện, thành, thị có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn toàn tỉnh.

2. UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo lực lượng Công an cùng cấp, các phòng, ban liên quan, UBND cấp xã chủ động phối hợp trong việc xây dựng, củng cố, duy trì hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT; tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên tích cực tham gia các tổ chức tự quản về ANTT ở cơ sở.

3. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cấp tỉnh chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên cấp huyện, cấp xã tích cực phối hợp trong công tác xây dựng, củng cố, duy trì hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT ở cơ sở; tuyên truyền đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các tổ chức tự quản về ANTT ở cơ sở.

Điều 17. Thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

1. Kết quả xây dựng, củng cố và chất lượng hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT là một tiêu chí để đánh giá, xem xét phân loại thi đua hàng năm đối với tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT của xã, phường, thị trấn và khu dân cư.

2. Các tập thể, cá nhân thuộc các tổ chức tự quản có thành tích xuất sắc trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT; các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng, củng cố và duy trì hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy định này tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Kinh phí hoạt động của các tổ chức tự quản về ANTT.

1. Hàng năm UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm bố trí kinh phí từ nguồn thu của địa phương để chi hỗ trợ cho hoạt động chung của các Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản trên địa bàn. Ngoài ra, các Ban ANTT, Tổ liên gia tự quản chủ động huy động kinh phí xã hội hóa hoặc từ nguồn đóng góp của các hộ gia đình trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận thống nhất giữa các hộ gia đình. Việc thu, chi, quản lý, sử dụng phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng gia tộc do dòng họ đó tự đóng góp và quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Quang